

	BỆNH VIỆN YHCT VÀ PHCN KHÁNH HÒA KHOA XÉT NGHIỆM	Mã số: XN-QTKT-TN Lần ban hành: 01 Ngày ban hành: 13/6/2022 Số trang: 4
	QUY TRÌNH XÉT NGHIỆM PHÁT HIỆN NHANH CÁC CHẤT GÂY NGHIỆN	

	Người biên soạn	Người xem xét	Người phê duyệt
Họ tên	CN Đỗ Thị Thúy Nga	BCKI Trần Phan Chất	BCKII Diệp Bảo Lộc
Ký tên			
Chức vụ	PTK Xét nghiệm	TK Xét nghiệm	Giám Đốc
Ngày	13/6/2022	13/6/2022	13/6/2022

THEO DÕI SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

TT	Vị trí	Nội dung sửa đổi	Người sửa	Ngày sửa

Tài liệu nội bộ

1. MỤC ĐÍCH

Mô tả quy trình thực hiện kỹ thuật phát hiện nhanh các chất gây nghiện qua nước tiểu (Morphin/ Amphetamine/ Methamphetamine/ Marijuana/ Methylenedioxymethamphetamine).

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Quy trình này áp dụng tại Khoa Xét nghiệm Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng Khánh Hòa.

3. TRÁCH NHIỆM

- Nhân viên phòng xét nghiệm có trách nhiệm đọc, hiểu rõ và thực hiện xét nghiệm phát hiện nhanh các chất gây nghiện qua nước tiểu theo đúng quy trình này.

- Trưởng khoa, Phó trưởng khoa sẽ có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện theo đúng quy trình.

4. ĐỊNH NGHĨA VÀ TỪ VIẾT TẮT: Không

5. NGUYÊN LÝ

Kit thử phát hiện nhanh các chất gây nghiện qua nước tiểu là dụng cụ xét nghiệm sắc ký dựa vào nguyên lý của phản ứng cạnh tranh. Thuốc hiện diện trong mẫu nước tiểu cạnh tranh với liên hợp thuốc ở vị trí gắn kết kháng thể. Trong quá trình xét nghiệm, mẫu nước tiểu thấm lên các băng thử dọc theo màng thấm đã được tẩm các kháng thể liên hợp nhờ mao dẫn. Ở đầu mỗi dải màng được gắn một mẫu liên hợp thuốc keo kháng thể màu vàng. Nếu không có chất gây nghiện trong nước tiểu, dung dịch liên hợp trong kháng thể màu vàng sẽ di chuyển lên trên cùng với các dung dịch mẫu sắc kí bằng mao dẫn, đi qua màng đến vùng liên hợp kháng thể kháng thuốc cố định trên băng xét nghiệm. Các liên hợp kháng thể màu vàng sau đó phản ứng với hợp chất kháng thể kháng thuốc và tạo thành các vệt màu vàng. Do vậy, nếu không có vạch màu xuất hiện trên cùng kết quả thì kết quả là dương tính.

6. THIẾT BỊ VÀ VẬT TƯ

6.1. Thiết bị:

- Đồng hồ đếm thời gian.
- Máy ly tâm.

6.2. Vật tư:

6.2.1. Dụng cụ:

- Dụng cụ xét nghiệm nhanh.
- Pipette.
- Lọ đựng nước tiểu.

- Khay quả đậu.

- Bút ghi.

6.2.2. Hoá chất: Không

6.2.3. Mẫu bệnh phẩm: Mẫu xét nghiệm là mẫu nước tiểu

- Mẫu nước tiểu phải đựng trong lọ khô và sạch.

- Có thể lấy mẫu nước tiểu vào bất kỳ thời điểm nào trong ngày.

- Mẫu nước tiểu có cặn cần phải được quay ly tâm, lọc và để lắng, lấy phần nước tiểu trong để xét nghiệm.

7. KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

- Nhằm mục đích kiểm tra quy trình thao tác xét nghiệm, vạch chứng (C) luôn luôn xuất hiện, nếu không xuất hiện thì kết quả xét nghiệm sẽ bị loại bỏ.

8. AN TOÀN

- Túi đựng dụng cụ xét nghiệm phải được đóng kín. Không dùng những sản phẩm có bao ngoài bị rách hoặc bị tách ra.

- Mẫu nước tiểu có thể có nguy cơ lây nhiễm nên cần phải có những biện pháp xử lý và tiêu hủy thích hợp.

- Tránh nhiễm khuẩn từ các mẫu nước tiểu bằng cách sử dụng một dụng cụ đựng mẫu bệnh phẩm và pipette mới cho mỗi mẫu nước tiểu.

9. NỘI DUNG THỰC HIỆN

Đề kit thử, mẫu nước tiểu ở nhiệt độ phòng (15-30⁰C) trước khi xét nghiệm. Không mở bao đựng dụng cụ xét nghiệm khi chưa sẵn sàng tiến hành.

9.1. Chuẩn bị:

- Thiết bị.

- Dụng cụ.

- Mẫu bệnh phẩm.

9.2. Tiến hành:

1. Bước 1: Lấy kit thử ra khỏi túi đựng sản phẩm và sử dụng càng nhanh càng tốt.

2. Bước 2:

<i>Đối với kit xét nghiệm dạng cassette một hoặc nhiều que thử</i>	<i>Đối với kit xét nghiệm dạng bảng một hoặc nhiều que thử</i>
2.1. Đặt dụng cụ trên một khay sạch và bằng phẳng.	2.1. Rót mẫu nước tiểu từ lọ chứa mẫu vào cốc chuyên dụng, mực nước 1 cm.

2.2. Dùng pipette lấy mẫu nước tiểu và nhỏ 03 giọt (khoảng 0.1 - 0.12 ml) vào mỗi ô đựng mẫu trên băng thử.

(Tránh nhỏ những giọt có chứa khí vì các bóng khí trong ô đựng có thể làm cho dòng chảy không đều hoặc ngăn chặn dòng chảy của mẫu vào que thử).

2.2. Nhúng que thử vào cốc đựng nước tiểu theo chiều mũi tên hướng xuống, ít nhất 10 – 15 giây.

(Không nhúng quá vạch MAX trên que thử hoặc mép của băng thử).

9.3. Đọc kết quả:

- Kết quả nên đọc trong vòng 5 phút. Tuy nhiên, có thể đọc được kết quả âm tính chỉ sau 3 phút nhưng kết quả dương tính chỉ đọc được sau 5 phút.

- Không đọc kết quả sau 10 phút hoặc sau khi thêm mẫu.

10. DIỄN GIẢI KẾT QUẢ VÀ BÁO CÁO

10.1. Diễn giải:

DƯƠNG TÍNH: nếu trong ô kết quả chỉ xuất hiện **MỘT** vạch chứng (C), không thấy xuất hiện vạch kết quả (T)

ÂM TÍNH: nếu trong ô kết quả xuất hiện **HAI** vạch: Một vạch chứng (C), và một vạch kết quả (T).

Lưu ý:

- Cường độ màu sắc trong vùng xét nghiệm (T) có thể biến đổi phụ thuộc vào nồng độ chất phân tích có trong mẫu vật. Do đó, dù màu xuất hiện trong vùng xét nghiệm đậm hay nhạt đều được xem là âm tính. Lưu ý rằng đây chỉ là sự xét nghiệm định tính và không thể xác định được nồng độ của chất phân tích có trong mẫu thử.

- Khối lượng mẫu thử không đủ, quy trình thực hiện không đúng hoặc kit thử đã hết hạn có thể là các lý do cho việc không xuất hiện vạch chứng.

10.2. Báo cáo kết quả:

- Kết quả được báo cáo về khoa theo đúng quy trình trả kết quả xét nghiệm.

11. LƯU Ý

- Kit thử chỉ được sử dụng bởi nước tiểu người.

- Kết quả dương tính có nghĩa là có sự hiện diện của chất gây nghiện hoặc chất chuyển hóa của nó nhưng không cho biết cường độ sử dụng, mức độ say thuốc hoặc nồng độ thuốc trong nước tiểu.

- Lỗi kỹ thuật cũng như các chất gây nhiễu trong mẫu nước tiểu có thể dẫn đến kết quả sai.

- Việc phát hiện các chất gây nghiện hoặc chất chuyển hóa của nó trong mẫu nước tiểu không thể cho thấy tần suất sử dụng hoặc phân biệt giữa việc lạm dụng thuốc và thực phẩm hoặc thuốc được chỉ định sử dụng.

12. LƯU TRỮ HỒ SƠ

- Lưu trữ trên máy.
- Lưu sổ tại phòng Xét nghiệm.

13. TÀI LIỆU LIÊN QUAN

- Hướng dẫn sử dụng Test của nhà sản xuất.

14. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyên tắc và thực hành tại phòng xét nghiệm an toàn sinh học cấp 1 và cấp 2.

- Hướng dẫn xây dựng quy trình thực hành chuẩn trong quản lý chất lượng xét nghiệm theo Quyết định 5530/QĐ- BYT ngày 25/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế./.